

Số: 110/TTYT-KHNV
V/v thực hiện thông tin báo cáo
định kỳ năm 2025

Giang Thành, ngày 24 tháng 7 năm 2025

HỎA TỐC

Kính gửi: - Lãnh đạo các Khoa, Phòng thuộc Trung tâm Y tế;
- Lãnh đạo các Trạm Y tế.

Thực hiện Công văn số 5678/VPUBND-TH ngày 24/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chuẩn bị nội dung họp giao ban tuần của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh với Lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh;

Thực hiện Công văn số 215/SYT-KHTC ngày 16/7/2025 của Sở Y tế An Giang về việc phối hợp báo cáo kinh tế xã hội năm 2025 hằng tháng,

Để nâng cao chất lượng thông kê, báo cáo đáp ứng yêu cầu chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc Trung tâm Y tế và thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về Sở Y tế và các ngành có liên quan. Trung tâm Y tế Giang Thành đề nghị lãnh đạo các Khoa, Phòng, Trạm Y tế xã nghiêm túc thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

1. Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc tính chính xác trong báo cáo; đảm bảo yêu cầu về hình thức và nội dung; phản ánh được những kết quả nổi bật, đồng thời đánh giá những vấn đề còn tồn tại yếu kém, phân tích rõ nguyên nhân, nêu kiến nghị vướng mắc phát sinh (nếu có), đề xuất hướng giải quyết.

2. Mốc thời gian lấy số liệu báo cáo

2.1. Đối với các số liệu về bệnh truyền nhiễm, hoạt động khám chữa bệnh:

- Báo cáo tuần: Thứ Sáu tuần trước đến thứ Năm tuần báo cáo (đính kèm biểu mẫu). Báo cáo theo đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1d-BxWIVGf5YPn8WkVgexNMUzEocyU3n/edit?usp=sharing...&sd=true>.

- Báo cáo tháng: Ngày 13 tháng trước đến ngày 12 tháng báo cáo.

- Báo cáo quý III: Ngày 13/6 đến ngày 12/9.

- Báo cáo 9 tháng: Ngày 01/01/ đến ngày 12/9

- Báo cáo năm: Ngày 01/01 đến ngày 10/10, đồng thời ước thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh cả năm.

2.2. Đối với các số liệu khác (Sốt rét, TCMR, HIV/AIDS, ATTP, DS-TTGDSK...):

- Báo cáo tháng: Ngày 01 đến ngày cuối của tháng trước.

- Báo cáo quý III: Ngày 01/6 đến ngày 31/8.

- Báo cáo 9 tháng: Ngày 01/01 đến ngày 12/9.

- Báo cáo năm: Ngày 01/01 đến ngày 30/09, đồng thời ước thực hiện chỉ tiêu cả năm so với kế hoạch đề ra.

3. Thời gian gửi báo cáo

- Báo cáo tuần: chậm nhất 15h thứ năm hàng tuần.
- Báo cáo tháng: chậm nhất 11h ngày 13 hàng tháng.
- Báo cáo quý: chậm nhất 11 giờ ngày 13 của tháng cuối quý.
- Báo cáo năm: chậm nhất 11/10 hàng năm và theo chỉ đạo của SYT khi có yêu cầu.

4. Hình thức báo cáo

- Báo cáo trên đường link.
- Gửi báo cáo văn bản scan có chữ ký của lãnh đạo, chậm nhất ngày 13 hàng tháng không hoàn thành xem như báo cáo trễ và gửi file mềm qua Zalo: 0944841849 (đ/c Nguyễn Thị Kim Thoa).

5. Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ:

- Cung cấp đường link cho các đơn vị báo cáo, theo dõi, đôn đốc các Khoa, Phòng và các Trạm Y tế.
- Tổng hợp báo cáo gửi về SYT đúng thời gian quy định.

* Lưu ý:

- Đường link sẽ tự động khoá khi hết thời gian quy định. Các Khoa, phòng, trạm chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc Trung tâm Y tế về sự chậm trễ của đơn vị mình.

- Báo cáo tuần do Sở Y tế chưa thống nhất biểu mẫu, đang điều chỉnh nên có thể sẽ thay đổi trong thời gian tới, khi đó Trung tâm Y tế sẽ hướng dẫn các đơn vị thực hiện sau.

Trung tâm Y tế đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai, phối hợp thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website TTYT;
- Lưu: VT, ntkthoa.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hồ Hữu Phước

Phụ lục 1: mẫu báo cáo tuần, tháng và năm

BÁO CÁO BỆNH TRUYỀN NHIỄM



TT	Tên bệnh	Nhóm (*)	Mã số theo I CD-10	Mắc	Tử vong	Ghi chú
I. Các dịch bệnh						
1	Bạch hầu	B	A36			
2	Bệnh do liên cầu lợn ở người	B	B95			
3	Bệnh do vi rút Adeno	B	B30			
4	Cúm	B	J10,11			
5	Cúm A (H5N1)	A	J09			
6	Dại	B	A82			
7	Dịch hạch	A	A20			
8	Ho gà	B	A37			
9	Lỵ amíp	B	A06			
10	Lỵ trực trùng	B	A03			
11	Quai bị	B	B26			
12	Rubella (Rubeon)	B	B06			
13	Sởi	B	B05			
14	Sốt rét	B	B50			
15	Sốt xuất huyết	B	A90/A91			
16	Tả	A	A00			
17	Tay - chân - miệng	B	B08.4			
18	Than	B	A22			
19	Thương hàn	B	A01			
20	Thủy đậu	B	B01			
21	Tiêu chảy	B	A09			
22	Uốn ván sơ sinh	B	A33			

23	Uốn ván khác	B	A35			
24	Viêm gan vi rút A	B	B15			
25	Viêm gan vi rút B	B	B16			
26	Viêm gan vi rút C	B	B17.1			
27	Viêm gan vi rút khác (không phải A, B, Choặc không định rõ típ vi rút)	B	B19			
28	Viêm màng não do não mô cầu	B	A39			
29	Viêm não Nhật Bản	B	A83.0			
30	Viêm não vi rút khác	B	A85			
31	Xoắn khuẩn vàng da (Leptospira)	B	A27			
32	Khác (bao gồm Covid-19 và.....)					
	Trong đó Covid-19		U07.1			
II. Ghi nhận ổ dịch						
1						
2						
3						

BÁO CÁO CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH

Nội dung báo cáo		Tổng	HỘI SỰ CẤP CỨU	KHOA NỘI	KHOA NHI	KHOA NGOẠI	KHOA NHIỄM	Khoa CSSKSS
Ngày điều trị bình quân								
Chỉ tiêu (giường kế hoạch)			5	15	6	3	6	5
Thực kê			5	15	6	3	6	5
Công suất sử dụng giường bệnh								
Tổng số lượt khám và điều trị nội trú								
YHCT								
Tổng số ngày điều trị nội trú								
Số bệnh nhân điều trị ngoại trú có bệnh án								
Trong đó:	Có BHYT							
	Không BHYT							
Trẻ < 6 tuổi								
Đỡ								
Khỏi								
Không thay đổi								
Nặng hơn								
Tử vong								
TỔNG RA VIỆN			0	0	0	0	0	0
Tổng Đỡ + Khỏi			0	0	0	0	0	0